TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 347/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13/11/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Ngọc Tú
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Văn Năm
Ông Đỗ Thế Huân
-*Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện H
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà:*
Bà Hoàng Thị Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Minh T, sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1990

Địa chỉ: thôn B, xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn anh Trần Minh T, vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị T2 không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2019, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn anh Trần Minh T thể hiện:

Về hôn nhân: Tôi và cô Nguyễn Thị T2 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/9/2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, tôi đã cố gắng tạo cơ hội cho vợ nhiều lần nhưng không hòa giải được. Vì vậy vợ chồng tôi sống ly thân một năm nay, không ai quan tâm

đến ai. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Nguyễn Thị T2.

Về con: Chúng tôi có hai con chung là cháu Trần Thị Minh Tr, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Thị Thanh Tr2, sinh ngày 02/11/2016. Tôi đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Thanh Tr2, nếu cô T2 không nuôi được cháu Tr thì tôi đề nghị được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày ngày 11/10/2019 của chị Nguyễn Thị T2 thể hiện:

Tôi và anh T tự nguyện cưới, được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2012. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng bình thường được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, nguyên nhân do không hiểu nhau. Nay anh T làm đơn ly hôn, tôi không có ý kiến gì.

Về con: Tôi và anh T có 02 con chung là cháu Trần Thị Minh Tr, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Thị Thanh Tr2, sinh ngày 02/11/2016. Nay ly hôn, tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Minh Tr, còn cháu Trần Thị Thanh Tr2 là anh T trực tiếp chăm sóc cháu.

Về tài sản chung: không có yêu cầu gì về tài sản.

Tôi bận công việc không thể nghỉ làm để đến Tòa án giải quyết, vì vậy kính mong Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của tôi.

Tại lời trình bày ngày 14/10/2019 của mẹ đẻ chị T2 là bà Nhữ Thị H thể hiện:

Anh T và con gái tôi là chị T2 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn theo luật định. Vợ chồng anh chị sống bình thường, sau đó anh T đi làm ăn ở nước ngoài 04 năm, về rồi lại đi tiếp. Khi về anh chị thường xuyên có mâu thuẫn, anh T thường chửi thậm chí đánh con tôi. Có thời gian gần đây anh T viết đơn ly hôn và ép con gái tôi nộp đơn ly hôn trên xã. Chị T2 đem con về ở với tôi lâu nay, sáng ngày 10/10/2019, chị T2 mới bắt đầu đi làm, vì vậy không có mặt ở nhà để nhận giấy tờ của Tòa án. Chị T2 cũng biết việc anh T xin ly hôn, chị T2 không ý kiến gì.

Về con: Anh T và chị T2 có 02 con chung là cháu Trần Thị Minh Tr và cháu Trần Thị Thanh Tr2. Con gái tôi nói anh chị đã thỏa thuận: chị T2 trực tiếp nuôi cháu Trần Thị Minh Tr, còn anh T trực tiếp nuôi cháu Thanh Tr2.

Về tài sản: anh chị không có tài sản chung gì.

Tôi cam đoan sẽ giao hoặc thông báo nội dung mọi văn bản giấy tờ của Tòa án cho con gái tôi.

Tòa án đã trực tiếp đến nhà chị Nguyễn Thị T2 nhưng chị đi làm không có nhà nên đã giao các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ đẻ chị T2 là bà Nhữ Thị H, bà cam đoan sẽ thông báo nội dung văn bản cho chị T2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Cơ quan T2 hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị T2 tự nguyện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, anh chị có mâu thuẫn và sống ly thân đã lâu, anh T đề nghị ly hôn, chị T2 biết nhưng không có ý kiến gì, thể hiện tình cảm của chị thực sự không còn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đề nghị xin ly hôn của anh Trần Minh T. Về con: Anh T và chị T2 có hai con chung là cháu Trần Thị Minh Tr, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Thị Thanh Tr2, sinh ngày 02/11/2016. Nguyện vọng của anh T là đề nghị được nuôi cháu Trần Thị Thanh Tr2, chị T2 đề nghị được nuôi cháu Trần Thị Minh Tr, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh chị, giao cháu Trần Thị Minh Tr cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Thanh Tr2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản và công nợ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Minh T không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị T2 tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/9/2012 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng anh chị sống với nhau bình thường một thời gian dài thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi cọ. Anh chị sống ly thân một năm nay nay không quan tâm đến nhau, Tòa án đã thông báo và giao các văn bản tố tụng cho mẹ chị T2 là bà Hương, bà cam đoan sẽ thông báo nội dung các văn bản cho chị T2 biết, nhưng do chị làm ăn xa không thể về được; chị T2 gửi bản tự khai về và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm

trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Minh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[2] Về con: Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị T2 có hai con chung là cháu Trần Thị Minh Tr, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Thị Thanh Tr2, sinh ngày 02/11/2016. Nguyện vọng của anh T là đề nghị được nuôi cháu Trần Thị Thanh Tr2, chị T2 đề nghị được nuôi cháu Trần Thị Minh Tr. Xét thấy nguyện vọng của anh chị là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh chị, giao cháu Trần Thị Minh Tr cho chị T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Thanh Tr2 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tố tụng: Ngày 16/10/2019, Tòa án đã T2 hành xác minh nguyên nhân tình trạng tranh chấp mâu thuẫn theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, lãnh đạo địa phương cho biết: Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo luật định, việc anh T và chị T2 xảy ra mâu thuẫn như thế nào xã không nắm được cụ thể, chỉ biết chị T2 đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở lâu nay, chị đi làm công nhân sáng đi tối về. Còn việc chị T2 mới đi làm ăn ở đâu chúng tôi không rõ. Nay anh T đề nghị Tòa giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trần Minh T có đơn đề nghị không hòa giải nên căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự không T2 hành hòa giải đối với anh chị.

Tại biên bản làm việc ngày 22/10/2019, mẹ đẻ chị T2 là bà Nhữ Thị Hương xác nhận đã thông báo toàn bộ nội dung các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho chị T2.

Đối với chị Nguyễn Thị T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, đã giao toàn bộ giấy triệu tập và văn bản tố tụng của Tòa án cho mẹ chị là bà Nhữ Thị H, bà cam đoan thông báo lại nội dung cho chị T2 nhưng chị đều không có mặt tại Tòa án và gửi bản tự khai về, thể hiện chị cố tình trốn tránh, bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, không mong muốn hòa giải để đoàn tụ. Tại phiên tòa ngày 01/11/2019, chị Nguyễn Thị T2 vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị T2 vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Minh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Trần Minh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị T2.

Về con: Công nhận hai cháu Trần Thị Minh Tr, sinh ngày 19/6/2013 và cháu Trần Thị Thanh Tr2, sinh ngày 02/11/2016 là con chung của anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị T2. Giao cháu Trần Thị Minh Tr cho chị Nguyễn Thị T2 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Trần Thị Thanh Tr2 cho anh Trần Minh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh T và chị T2 có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0009608 ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Anh T đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Trần Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Bị đơn chị Nguyễn Thị T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã G;*
- *UBND xã C;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thế Huân **Hoàng Ngọc Năm**

Lê Thị Ngọc Tú